

Số: 1331 /TTr-UBND

Gia Lai, ngày 14 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành nghị quyết về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI	
Số: 2888	
ĐẾN Ngày: 17 / 6 / 2019	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	Căn cứ

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI – Kỳ họp thứ Chín.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI – Kỳ họp thứ Chín xem xét, ban hành nghị quyết về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, với những nội dung như sau:

I/ Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Trong những năm gần đây, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh mà đặc biệt là hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp đã có sự chuyển biến tích cực, tăng nhanh về số lượng, góp phần giải quyết việc làm cho người dân khu vực nông nghiệp, nông thôn, tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, số lượng hợp tác xã hoạt động có hiệu quả còn rất ít và chưa phát huy được vai trò như các thành phần kinh tế khác.

Gia Lai là tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế về phát triển nông nghiệp. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp và tiến đến hình thành các liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp là xu thế tất yếu và cần thiết. Để có cơ sở Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai việc huy động các nguồn lực, thực hiện các chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, việc xây dựng và ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

II/ Mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng dự thảo nghị quyết

1. Mục đích:

Để có cơ sở thực hiện các chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo:

Nội dung dự thảo nghị quyết phải phù hợp với nhu cầu thực tế và phát huy hiệu quả khi triển khai thực hiện; đúng quy định của pháp luật.

III/ Quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tập trung nghiên cứu các chính sách và tham khảo một số địa phương, tiến hành dự thảo nghị quyết; tổ chức hội thảo góp ý dự thảo nghị quyết với sự tham gia của các sở, ban, ngành, địa phương để hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức hội nghị tham gia ý kiến và lấy biểu quyết các thành viên UBND tỉnh vào ngày 11/6/2019. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

IV/ Đánh giá tác động của chính sách

1. Mục tiêu của chính sách:

Huy động các nguồn lực và ngân sách địa phương để hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tác động của chính sách:

2.1. Đối với nhà nước:

- Tích cực: Góp phần hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng tỷ lệ nộp thuế của các hợp tác xã và đóng góp vào RDP chung của tỉnh.

- Hạn chế: Sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ hợp tác xã sẽ ảnh hưởng đến việc cân đối ngân sách hàng năm.

2.2. Đối với người dân:

Các hợp tác xã nông nghiệp có thêm nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất; góp phần tăng thu nhập để cải thiện đời sống, nhất là nông dân ở vùng nông thôn; góp phần ổn định an ninh trật tự xã hội và lòng tin vào chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

V/ Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết

Dự thảo nghị quyết gồm 07 điều, với những nội dung chính như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

Điều 2. Hỗ trợ người tốt nghiệp đại học trở lên làm việc ở hợp tác xã nông nghiệp

Điều 3. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

Điều 5. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại

Điều 6. Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP) tại các khu, vùng tập trung đất đai; hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ

Điều 7. Điều khoản thi hành

(có dự thảo nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ
Chín xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tư pháp;
- Lưu: VT, NL, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hoàng

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020;

Xét tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị ban hành nghị quyết về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương để khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các hợp tác xã nông nghiệp thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Nguyên tắc áp dụng:

Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ nhưng có các mức hỗ trợ khác nhau giữa Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác thì được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ cao nhất hoặc có lợi nhất.

Điều 2. Hỗ trợ người tốt nghiệp đại học trở lên làm việc ở hợp tác xã nông nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ:

Hợp tác xã nông nghiệp có người tốt nghiệp đại học trở lên làm giám đốc.

2. Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Có trong kế hoạch hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và dự toán của tỉnh được phê duyệt hàng năm.

- Tuổi dưới 45 đối với nam và dưới 40 đối với nữ.

- Có chuyên môn phù hợp để tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp.

- Có chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Có cam kết làm việc tại hợp tác xã trong thời gian ít nhất 05 năm.

3. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ: Mức hỗ trợ hàng tháng tương đương mức lương tối thiểu vùng theo quy định của pháp luật hiện hành cho 01 lao động/01 hợp tác xã nông nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 36 tháng.

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 3. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

1. Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm:

a) Điều kiện hỗ trợ: Hợp tác xã nông nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Phải đảm bảo có thuê gian hàng, có hàng hoá, sản phẩm do hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã sản xuất, kinh doanh mang theo để trưng bày, giới thiệu đúng theo quy định của hội chợ, triển lãm.

- Có quyết toán kinh phí và các tài liệu, chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần/năm kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm như sau:

- Hợp tác xã nông nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm ở trong nước được hỗ trợ theo chi phí thực tế, tối đa không quá 30 triệu đồng/hợp tác xã/năm.

- Hợp tác xã nông nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm tại các nước thuộc khu vực châu Á được hỗ trợ theo chi phí thực tế, tối đa không quá 50 triệu đồng/hợp tác xã/năm.

- Hợp tác xã nông nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm tại các nước ngoài khu vực châu Á được hỗ trợ theo chi phí thực tế, tối đa không quá 80 triệu đồng/hợp tác xã/năm.

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

2. Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử:

a) Điều kiện hỗ trợ: Là hợp tác xã nông nghiệp và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Có trong kế hoạch của tỉnh về hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho hợp tác xã được phê duyệt hàng năm.

- Hợp tác xã chưa có trang thông tin điện tử.

- Có hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

b) Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hợp tác xã để xây dựng trang thông tin điện tử.

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

3. Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa – dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp:

a) Điều kiện hỗ trợ: Là hợp tác xã nông nghiệp và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Có trong kế hoạch của tỉnh về hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa – dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp cho hợp tác xã được phê duyệt hàng năm.

- Hợp tác xã chưa xây dựng nhãn hiệu hàng hóa – dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp.

- Nhãn hiệu hàng hóa – dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp của hợp tác xã xây dựng được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận hoặc chấp nhận đơn hợp lệ.

- Có hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

b) Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần không quá 50% theo chi phí thực tế, tối đa không quá 10 triệu đồng/hợp tác xã để xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

1. Điều kiện hỗ trợ: Là hợp tác xã nông nghiệp và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Có trong kế hoạch của tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất cho hợp tác xã được phê duyệt hàng năm.

- Có kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng máy móc, thiết bị phù hợp với nhu cầu của hợp tác xã.

- Có đề án mua sắm máy móc, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thủ tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, mua sắm tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Có hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

- Các hợp tác xã được hỗ trợ có cam kết không được bán, chuyển nhượng tài sản đã được hỗ trợ khi chưa thực hiện xong khấu hao. Trường hợp không thực hiện đúng cam kết thì hoàn trả lại số tiền đã được hỗ trợ.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 01 lần không quá 50% theo chi phí đầu tư thực tế, tối đa không quá 30 triệu đồng/hợp tác xã để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho một trong các hạng mục sau: Trụ sở làm việc; nhà kho; sân phơi; cửa hàng vật tư nông nghiệp.

- Hỗ trợ 01 lần không quá 30% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị theo đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tối đa không quá 100 triệu đồng.

3. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hợp tác xã đã hoàn thành việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 5. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại

1. Đối tượng hỗ trợ:

Hợp tác xã nông nghiệp thực hiện đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Hợp tác xã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Dự án đầu tư đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

- Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

3. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ: Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ, tối đa 1%, tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng, theo từng quy mô tổng vốn đầu tư của dự án theo nguyên tắc lũy tiến như sau:

- Dự án có vốn đầu tư đến 100 tỷ đồng: Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng, trong thời gian tối đa 02 năm.

- Dự án có vốn đầu tư từ trên 100 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: Mức hỗ trợ được tính không quá 50 triệu đồng cho mỗi 100 tỷ đồng vốn đầu tư tăng thêm, trong thời gian tối đa 03 năm.

- Dự án có vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: Mức hỗ trợ được tính không quá 50 triệu đồng cho mỗi 200 tỷ đồng vốn đầu tư tăng thêm, trong thời gian tối đa 04 năm.

4. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

5. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 6. Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP) tại các khu, vùng tập trung đất đai

1. Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã nông nghiệp thực hiện đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Hợp tác xã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Hợp tác xã có quy mô diện tích tập trung từ 03 ha trở lên.

- Hợp tác xã đã hoàn thành việc đánh giá và được cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP) do các cơ quan, tổ chức đủ điều kiện theo quy định của các cơ quan nà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

3. Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần, tối đa 50% chi phí thực tế, không quá 50 triệu đồng cho hợp tác xã để thực hiện việc đánh giá và cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP).

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 7/ Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ
Chín thông qua ngày / /2019, có hiệu lực từ ngày / /2019.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UB Mặt trận TQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và MT, Tài chính,
Tư pháp, Xây dựng;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH,
UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PT và TH tỉnh;
- CV phòng KTTH-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT-KTTH.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang



UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Số: 643/STP-XD&KTVB

Gia Lai, ngày 03 tháng 6 năm 2019

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 29/5/2019, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1191/SKHĐT-DN của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây gọi là dự thảo văn bản*), hồ sơ gửi kèm theo Văn bản số 1191/SKHĐT-DN và đối chiếu các quy định pháp luật liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản

Về đối tượng áp dụng: Tại khoản 2 Điều 1, xem lại nội dung "*Kế toán, cán bộ nguồn trong các Hợp tác xã; các đối tượng đã tốt nghiệp đại học trở lên được tuyển dụng vào làm việc tại các Hợp tác xã*" để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 29 Luật Hợp tác xã năm 2012 (cơ cấu tổ chức hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Khoản 4 Điều 30 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo:

a) Tại tên gọi của dự thảo văn bản, bổ sung cụm từ "*liên hiệp hợp tác xã*" sau cụm từ "*hợp tác xã*" để đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

b) Tại Điều 1:

- Ở khoản 1, bỏ nội dung “*hỗ trợ từ ngân sách địa phương để*” cho thống nhất với tên gọi của dự thảo văn bản. Đồng thời, xem lại nội dung “*Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ ... cao nhất hoặc có lợi nhất*”, vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản (đây là nội dung quy định về nguyên tắc áp dụng việc hỗ trợ).

- Ở khoản 2, thay dấu phẩy (,) sau cụm từ “*Ban Kiểm soát*” thành dấu chấm phẩy (;); Đồng thời xem lại nội dung “*thành viên của Ban Kiểm soát*” và “*Kiểm soát viên*” để đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

c) Tại Điều 2:

- Ở gạch đầu dòng thứ sáu điểm b, cần quy định cụ thể thời gian cam kết làm việc (cụ thể là bao nhiêu năm) để thống nhất trong quá trình áp dụng văn bản.

- Ở điểm c, sửa nội dung “*đào tạo đại học trở lên*” thành “*đào tạo từ đại học trở lên*” cho phù hợp.

- Ở điểm e, sửa nội dung “*ngân sách tỉnh*” thành “*ngân sách cấp tỉnh*” để đảm bảo tính rõ nghĩa của văn bản.

d) Tại Điều 3:

- Ở điểm a và điểm c, sửa cụm từ “*người có trình độ*” thành “*người tốt nghiệp*” cho phù hợp.

- Quy định lại nội dung tại gạch đầu dòng thứ tư điểm b để đảm bảo tính ngắn gọn, rõ nghĩa.

- Ở gạch đầu dòng thứ năm điểm b, sửa nội dung “*cam kết gắn bó lâu dài*” thành “*cam kết làm việc trong thời gian ít nhất... (số năm cụ thể)*” để đảm bảo tính rõ nghĩa của văn bản và tính thống nhất khi áp dụng văn bản.

- Nghiên cứu, quy định lại nội dung tại gạch đầu dòng thứ hai điểm c và điểm d cho rõ ràng, dễ hiểu.

e) Tại Điều 4:

- Rà soát, sửa cụm từ “*hợp tác xã*” thành “*hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*” để đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

- Ở điểm b, quy định rõ nội dung “*Hỗ trợ một lần kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm như sau*” là hỗ trợ một lần/ dự án hay hỗ trợ một lần/ năm để thống nhất trong quá trình áp dụng văn bản.

- Ở điểm d khoản 4.1, sửa cụm từ “ngân sách tỉnh” thành “ngân sách cấp tỉnh”; “ngân sách huyện, thị xã, thành phố” thành “ngân sách cấp huyện” để đảm bảo tính rõ nghĩa của văn bản.

Chính sửa tương tự ở điểm c khoản 3.2 Điều 4; điểm e Điều 6; điểm d Điều 7 dự thảo văn bản.

f) Tại điểm c Điều 5, xem lại nội dung “theo chi phí đầu tư thực tế” để đảm bảo tính cụ thể, rõ nghĩa của văn bản.

h) Gộp Điều 8 và Điều 9 thành một điều, có tiêu đề “Điều... Điều khoản thi hành” và bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 8 vì không cần thiết (Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

k) Tại phần nơi nhận, bổ sung “Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Gia Lai”.

III. Về ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo đối chiếu Mẫu số 16 - Phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và áp dụng các quy định khác tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày văn bản đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật. Chẳng hạn như, trình bày bố cục văn bản theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XD&KTVB.

GIÁM ĐỐC



LÀ THỊ NGỌC LAM

BẢNG TỔNG HỢP

Ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương đối với dự thảo

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Đính kèm Công văn số /SKHDT-DN ngày tháng 5 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Tiếp thu các ý kiến của các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và có một số giải trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư
1	Sở Lao động thương binh và xã hội	<p>- Dự thảo chưa có số, địa danh</p> <p>- Hỗ trợ cho người có trình độ đại học làm GD, PGD HTX nâng lên mức 3 triệu/người/tháng (giám đốc) và 2 triệu đồng/người/tháng (phó giám đốc)</p> <p>- Thay từ cán bộ có trình độ đại học thành người có trình độ đại học</p> <p>- Về phát triển kết cấu hạ tầng nên tính theo tỷ lệ phần trăm mà HTX đầu tư kèm theo giới hạn tối đa</p>	<p>- Tiếp thu và đã bổ sung trong dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Không tiếp thu vì ngân sách tỉnh hạn chế, mục tiêu của chính sách chỉ là hỗ trợ thêm cho HTX ngoài lương HTX đã trả</p> <p>- Tiếp thu và đã chỉnh sửa</p> <p>- Tiếp thu và đã chỉnh sửa</p>

2	UBND huyện Đắk Pơ - Khoản 1 Điều 1 đề nghị sửa lại là "... thì không được hưởng các chính sách hỗ trợ tương tự được quy định tại các văn bản pháp luật khác và ngược lại" - Điểm b Khoản 2 Điều 2 cần quy định cụ thể nội dung "có chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, phát triển thị trường" vì ghi như dự thảo sẽ khó khăn trong việc đánh giá - Điểm a Khoản 2 Điều 2: quy định rõ mức hỗ trợ nhằm làm cơ sở trong quá trình áp dụng, bổ sung từ "nguồn vốn huy động...") - Điểm c Khoản 4 điều 2 đề nghị bổ sung" kể cả hợp tác xã đã thành lập mới nhưng chưa được hỗ trợ	- Tiếp thu và đã bổ sung trong dự thảo Nghị quyết - Không tiếp thu vì việc quy định cụ thể sẽ được cụ thể khi xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nguồn nhân lực để xây dựng dự toán hàng năm minh cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đây là một trong những điều kiện để được hỗ trợ) - Tiếp thu và đã bổ sung trong dự thảo Nghị quyết Không tiếp thu vì hợp tác xã thành lập mới chưa được hỗ trợ thì sẽ được hỗ trợ nếu đảm bảo các điều kiện
3	Liên minh HTX - Nêu sửa "tiền lãi ở trong nước/1 lần/năm hoặc 2 lần/năm" - Chính sửa "các HTX ngoài được hưởng các chính sách tương tự khác theo quy định của pháp luật khác thì còn được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này vì như vậy mới thể hiện sự quan tâm hỗ trợ của địa phương	- Không tiếp thu vì dự thảo đã quy định "hỗ trợ một lần kinh phí" đối với nội dung hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm - Không tiếp thu vì HTX có thể chọn mức hỗ trợ có lợi nhất, cao nhất nếu cùng một nội dung hỗ trợ. Trong trường hợp ngân sách địa phương còn hạn chế, nếu HTX đã chọn chính sách có vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương thì việc hỗ trợ từ ngân sách tỉnh nên dành cho các HTX khác để vừa đảm bảo được nguồn chi ngân sách tỉnh, vừa thêm được số lượng HTX được hỗ trợ
4	UBND huyện Chư Prông	- Điều 2 khoản 2 điểm c: mức hỗ trợ phổ quát là 1 triệu đồng Đã chính sửa, bổ sung nội dung mức hỗ trợ đối với nội dung này

		- Điểm c Khoản 4 mức hỗ trợ thấp 150 triệu đến 300 triệu	- Không tiếp thu vì ngân sách tỉnh hạn chế, mục tiêu của chính sách là hỗ trợ thêm cho các htx ngoài phần tự đầu tư của các HTX
5	Sơ Văn hóa thể thao và du lịch	Hỗ trợ cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng trở lên làm việc ở HTX: đề nghị ghi rõ mức hỗ trợ	- Tiếp thu và đã chỉnh sửa trong dự thảo
5	UBND TP. Pleiku	- Nên có mức hỗ trợ cụ thể cho trường hợp cán bộ làm phó giám đốc HTX - Bổ sung nội dung giao UBND tỉnh hướng dẫn, quy định cụ thể các điều kiện để thanh toán	- Tiếp thu và đã bổ sung dự thảo - Điều 8 dự thảo Nghị quyết có quy định "giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết"
6	UBND huyện Phú Thiện	- Bổ nội dung "tại các cơ sở đào tạo công lập trong nước" vì nội dung này sẽ không khuyến khích các đối tượng đi học - Bổ sung nội dung cán bộ có trình độ đại học trở lên làm kế toán HTX. - Đề xuất đối với cán bộ làm phó giám đốc được hưởng như giám đốc - Tăng mức hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng từ 30 triệu/HTX lên 100 triệu/HTX	- Không tiếp thu vì chính sách này đưa ra để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của HTX, không hỗ trợ cho việc tham gia đào tạo tại các cơ sở đào tạo không có uy tín - Không tiếp thu vì việc quy định cụ thể sẽ được cụ thể khi xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nguồn nhân lực để xây dựng dự toán hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt - Không tiếp thu, vì các cán bộ này do Doanh nghiệp cử về và mức lương sẽ do thảo thuận giữa lao động và doanh nghiệp - Không tiếp thu vì ngân sách tỉnh hạn chế, mục tiêu của chính sách là hỗ trợ thêm cho các htx ngoài phần tự đầu tư của các HTX
7	Sở Công Thương	- Điểm c và d khoản 2 điều 2, đề nghị viết lại cho rõ (hỗ trợ đối với phó giám đốc)	Tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung

		<p>- Điểm c khoản 4 điều 2: mức hỗ trợ thấp, đề nghị nâng mức hỗ trợ</p> <p>Quy định hỗ trợ tối đa được bao nhiêu phần trăm tổng chi phí</p>	<p>- Không tiếp thu vì ngân sách tỉnh hạn chế, mục tiêu của chính sách là hỗ trợ thêm cho các học ngoài phần tự đầu tư của các HTX</p> <p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung</p>
8	Ban Quản lý KKT	<p>Khoản 1 điều 2 xem xét lại vì số sinh viên ra trường nhiều, mức hỗ trợ theo mức lương tối thiểu vùng</p>	<p>- Không tiếp thu vì ngân sách tỉnh hạn chế, mục tiêu của chính sách chỉ là hỗ trợ thêm cho HTX ngoài lương HTX đã trả</p>
9	Sở Tư pháp	<p>Các nội dung theo công văn số 560/STP-XD&KT/VB</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa dự thảo</p>